

Bản án số: 01/2022/HS-ST
Ngày: 21/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tuyên
Ông Đàm Văn Nhạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Thị P, sinh ngày 27/12/1989 tại: Xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn S và bà Hầu Thị Gi; có chồng là Lý Minh H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị X - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn, (Vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn N – Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu N - Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn, theo Công văn số 44/UBND-NC, ngày 11/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn về việc cử người tham gia tố tụng hình sự (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Dương Văn S, sinh năm 1966 (vắng mặt);

+ Bà Hầu Thị Gi (vắng mặt);

Đều trú tại: thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

+ Anh Dương Văn K, sinh năm 1986 (vắng mặt);
+ Chị Hầu Thị C, sinh năm 1989 (vắng mặt);
Đều trú tại: thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.
+ Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1977 (vắng mặt);
+ Chị Hầu Thị M, sinh năm 1978 (vắng mặt);
+ Anh Hoàng Thanh L, sinh năm 1999 (vắng mặt);
+ Anh Hoàng Văn T, sinh năm 2000 (vắng mặt);
Đều trú tại: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.
+ Bà Lý Thị S, sinh năm 1967; trú tại: thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).
- *Người phiên dịch cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà S, chị M):*
Anh Dương Văn T; trú tại: thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, ông Dương Văn S cho con gái là Dương Thị P khoảng 04 ha trong tổng số 119.276m² đất rừng tại khu vực Khuổi P thuộc thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, việc cho chỉ nói bằng miệng không viết giấy tờ. Đến năm 2018 ông S làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích rừng trên, tuy nhiên vẫn cho P quản lý, sử dụng khu vực rừng đã cho trước đó. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB833733 cấp ngày 26/7/2018 cấp cho ông Dương Văn S và bà Hầu Thị Gi: Thửa đất số 28 tờ bản đồ số 1 diện tích 119.276m², mục đích sử dụng đất rừng sản xuất.

Cuối tháng 01/2021, Dương Thị P đi nhặt quả hồi ở rừng hồi của ông Dương Văn S thì gặp Dương Văn K, Hầu Thị C (vợ K), Hoàng Văn P, Hầu Thị M (vợ P), Hoàng Thanh L (con P), Hoàng Văn T, Lý Thị S là những người phát cỏ đồi hồi thuê cho ông S. Trong giờ nghỉ trưa, P và 07 người này cùng ngồi nghỉ tại một địa điểm và nói chuyện với nhau về việc quả hồi được giá, Dương Văn K, Hầu Thị C, Hoàng Văn P, Hầu Thị M, Hoàng Thanh L, Hoàng Văn T, Lý Thị S nói muốn trồng cây để phát triển kinh tế tuy nhiên không có đất, Dương Thị P nói P có đất ở gần đó tuy nhiên không trồng được vì P không có sức để làm. P và những người này bàn bạc với nhau, P sẽ bỏ đất, bỏ giống cây và cùng nhau phát rừng trồng cây, đến khi được thu hoạch sẽ chia làm hai phần, P được hưởng lợi một phần, 07 người sẽ được hưởng một phần. Tuy nhiên không thống nhất được vì mỗi người ở một nơi, sức lao động của mỗi người khác nhau và những người này cho rằng cả 07 người họ chỉ được hưởng 01 phần là quá ít. Sau đó, những người này hỏi mượn đất rừng của P để phát trồng cây, vì những người này đều là anh em họ hàng gần bên mẹ của P, hơn nữa nguồn gốc số đất rừng này là của ông bà để lại cho bố mẹ P và trước đây những người này hoặc người thân của những người này có công sức trong việc khai phá nhưng sau đó chuyển sang Ngân Sơn sinh sống nên để lại số rừng này cho ông bà. Do đó, P đã đồng ý cho những người này mượn đất và cùng thống nhất ai phát được diện tích bằng nào thì trồng bằng đó, tự trồng, tự chăm sóc và tự hưởng lợi. Sau khi

bàn bạc xong, P dẫn những người này lên khu vực đất thuộc quản lý của mình và chỉ cho mọi người khu vực được phát phá. Ngày hôm sau P và Lý Thị S cùng nhau đi phát, mỗi người phát một khu vực riêng rẽ, sau đó Hoàng Thanh L và Hoàng Văn T cùng nhau phát một khu vực, tiếp đến là Hoàng Văn P và Hầu Thị M phát phá chung một khu vực, cuối cùng là Dương Văn K và Hầu Thị C phát phá chung một khu vực. Tổng diện tích những người này phát phá là 8.473,5m², gây thiệt hại 26,566m² gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII; 1.003 cây nửa tộp có đường kính trung bình từ 1cm-3cm có tổng giá trị là 1.162.940,đ (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) và 2,350m³ gỗ xoan có giá trị là 1.880.000,đ (Một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) trong đó:

- Dương Thị P trực tiếp phát phá với diện tích 669,6m².
- Lý Thị S trực tiếp phát phá với diện tích 1.668,3m².
- Hoàng Thanh L và Hoàng Văn T trực tiếp phát phá với diện tích 2.016,8m².
- Hoàng Văn P và Hầu Thị M trực tiếp phát phá với diện tích 2.164m².
- Dương Văn K và Hầu Thị C trực tiếp phát phá với diện tích 1.954,8m².

Sau khi phát phá xong, P và những người này sẽ tự trồng cây, tự chăm sóc, đến khi thu hoạch sẽ tự hưởng lợi, không chung nhau. Những người này có nói sau này nếu được thu hoạch sẽ trích một phần cho P, nhưng P nói lại là không lấy, chỉ cho mượn đất, khi nào thu hoạch xong thì trả đất cho P, vì mọi người đều là người nhà. Tuy nhiên, P và những người này chưa kịp trồng cây thì bị phát hiện.

Vị trí rừng bị phát phá nằm ở lô 48, khoảnh 1, tiểu khu 166 Bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã L năm 2018 cũng chính là thửa đất số 28, khoảnh 1, tiểu khu 166 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L, tờ bản đồ số 1 năm 2009 thuộc thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ nửa (TXP).

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL/HĐĐGTS ngày 13/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 81 cây gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng 26,566m³ có giá 1.062.640đ; 1.003 cây nửa tộp có đường kính trung bình từ 1cm đến 3cm có giá 100.300đ. Tổng giá trị gỗ, vầu tự nhiên bị thiệt hại là 1.162.940đ (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng). Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL/HĐĐGTS ngày 01/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 2,350m³ gỗ xoan có nguồn gốc do ông S trồng tự phát bị chặt hạ có giá trị là 1.880.000,đ (Một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà Dương Thị P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Dương Thị P là người dân tộc Mông, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, vì mong muốn có đất để trồng cây phát triển kinh tế gia đình và do có quan hệ họ hàng nên Dương Thị P đã trực tiếp phát phá và cho Dương Văn K, Hầu Thị C, Hoàng Văn P, Hầu Thị M, Hoàng Thanh L, Hoàng Văn T, Lý Thị S phát phá tại khu vực rừng do mình quản lý. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 con dao dạng dao quắm đã cũ, dài 46cm, phần thân dao bằng kim loại dài 36cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 10cm.

+ 01 máy cưa xăng của Dương Thị P: Những người phát phá rừng đã sử dụng máy cưa xăng này để cắt hạ những cây gỗ to, sau đó P đã bán chiếc máy cưa này cho một người không biết tên nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được.

+ Các con dao phát của Dương Văn K, Hầu Thị C, Hoàng Văn P, Hầu Thị M, Hoàng Thanh L, Hoàng Văn T, Lý Thị S: Những người này đều sử dụng dao để phát phá rừng, tuy nhiên hiện nay các con dao đó đều hỏng và đã bỏ đi nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được.

+ 26,566m³ gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII; 1.003 cây nứa tép có đường kính trung bình từ 1cm-3cm; 2,350m³ gỗ xoan. Vật chứng hiện để tại hiện trường đã giao cho UBND xã L và Trạm Kiểm lâm L quản lý, bảo quản.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn S, bà Hầu Thị Gi, anh Dương Văn K, chị Hầu Thị C, anh Hoàng Văn P, chị Hầu Thị M, anh Hoàng Thanh L, anh Hoàng Văn T và bà Lý Thị S đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-NR ngày 30/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, truy tố bị cáo về: "Tội Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX Tuyên bố bị cáo Dương Thị P phạm "Tội Hủy hoại rừng". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Không khấu trừ thu nhập hàng tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự; Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao quắm đã cũ, dài 46cm, phần thân dao bằng kim loại dài 36cm; tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước toàn bộ 26,566m³ gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII; 1.003 cây nứa tép có đường kính trung bình từ 1cm-3cm; 2,350m³ gỗ xoan hiện đang để tại hiện trường. Tạm giữ số tiền 1.162.940,đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Trong bản luận cứ bào chữa gửi cho Tòa án, người bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Nhất trí với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, đánh giá nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác trong vụ án. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc Mông sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam

giữ với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng, không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo có đơn khiếu nại, tố cáo đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên về việc bị cáo cho rằng quá trình xử lý vụ án thiếu khách quan, không công bằng. Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã giải quyết khiếu nại, tố cáo của bị cáo. Quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát thể hiện việc điều tra, truy tố đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Mặc dù, không có căn cứ để cho rằng Điều tra viên, Kiểm sát viên vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng để đảm bảo tính khách quan Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã có quyết định thay đổi Điều tra viên, Kiểm sát viên đã được phân công do có khiếu nại, tố cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì thêm về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người phiên dịch. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tiếp tục phiên tòa, không yêu cầu hoãn phiên tòa. Kiểm sát viên nêu quan điểm, việc vắng mặt người bào chữa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người phiên dịch không ảnh hưởng việc xét xử, đề nghị tiếp tục phiên tòa.

HDXX thấy rằng người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có Bản luận cứ bào chữa gửi cho Tòa án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Sính và chị Mỹ không nói được tiếng Việt nhưng những người này vắng mặt tại phiên tòa do đó việc vắng mặt ông Tu người phiên dịch cho bà Sính và chị Mỹ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/01/2021, tại khu vực rừng Khuổi P thuộc thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Dương Thị P đã có hành vi trực tiếp phát phá rừng trái phép và cho Dương Văn K, Hầu Thị C, Hoàng Văn P, Hầu Thị M, Hoàng Thanh L, Hoàng Văn T, Lý Thị S phát phá rừng trái phép tại khu vực rừng do mình quản lý

với tổng diện tích 8.473,5m² rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ nửa, gây thiệt hại 26,566m² gỗ tự nhiên loài thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, 1.003 cây nửa tép có đường kính trung bình từ 1cm-3cm có tổng giá trị là 1.162.940đ (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) và 2,350m³ gỗ xoan nguồn gốc được bố bị cáo trồng tự phát có giá trị là 1.880.000,đ (Một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Diện tích rừng bị phát phá thuộc lô 48, khoảnh 1, tiểu khu 166 Bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã L năm 2018 cũng chính là thửa đất số 28, khoảnh 1, tiểu khu 166 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L, tờ bản đồ số 1 năm 2009 là rừng tự nhiên sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ nửa (TXP) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB833733 cấp ngày 26/7/2018 cấp cho ông Dương Văn S và bà Hầu Thị Gi.

Hành vi trực tiếp phát phá rừng và cho người khác phát phá rừng tự nhiên sản xuất khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép với tổng diện tích bị phát phá trái phép là 8.473,5m² của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội Hủy hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...
b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²)."

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án.

- Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền 1.162.940,đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì để bồi thường thiệt hại cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Dương Văn S được Thủ tướng Chính phủ, nhiều bộ ngành và Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn tặng bằng khen nên Dương Thị Phan được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. Đánh giá quan điểm của người bào chữa: Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo khi đánh giá về nhân thân; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm

tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, và đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng mà người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo là thấp, chưa thực sự phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. HĐXX thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt cao hơn so với đề nghị của người bào chữa.

[7]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật: HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều (03) tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nguyên nhân, động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là phát phá rừng để trồng cây phát triển kinh tế gia đình, bị cáo là đồng bào dân tộc Mông, sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức xã hội và pháp luật còn nhiều hạn chế. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có đủ điều kiện áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, đồng thời vẫn đảm bảo được tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Bị cáo P tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện N số tiền là 1.162.940,đ. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.162.940,đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì theo biên lai thu tiền số 0001502 ngày 08/12/2021 và biên lai số 0001506 ngày 21/02/2022 để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại về dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo P sau khi được HĐXX giải thích về quyền được yêu cầu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn K, chị Hầu Thị C, anh Hoàng Văn P, chị Hầu Thị M, anh Hoàng Thanh L, anh Hoàng Văn T và bà Lý Thị S hoàn trả phần tiền tương ứng với trách nhiệm bồi thường liên đới của những người này cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo P có ý kiến không yêu cầu những người này phải hoàn trả phần tiền mà bị cáo P đã bồi thường thay cho họ. Hội đồng xét xử xét thấy thoả thuận bồi thường dân sự giữa đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo; ý kiến của bị cáo không buộc anh Dương Văn K, chị Hầu Thị C, anh Hoàng Văn P, chị Hầu Thị M, anh Hoàng Thanh L, anh Hoàng Văn T và bà Lý Thị S phải hoàn trả số tiền đã bồi thường thay là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Dương Văn S, bà Hầu Thị Gi, anh Dương Văn K, chị Hầu Thị C, anh Hoàng Văn P, chị Hầu Thị M, anh Hoàng

Thanh L, anh Hoàng Văn T và bà Lý Thị S đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 con dao dạng dao quắm đã cũ, dài 46cm, phần thân dao bằng kim loại dài 36cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 10cm. Đây là công cụ, phương tiện Dương Thị P sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số gỗ 26,566m³ gỗ có nguồn gốc mọc tự nhiên, loại thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII và 1.003 cây nửa tép có đường kính trung bình từ 1cm-3cm. Hiện đang được giao cho UBND xã L và Trạm Kiểm lâm L quản lý, bảo quản tại hiện trường là vật chứng vụ án, cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 2,350m³ gỗ xoan có nguồn gốc do bị cáo trồng tự phát, sau đó để lại cho bị cáo quản lý. Số gỗ xoan này mặc dù có nguồn gốc là gỗ tự trồng nhưng là trồng tự phát, quá trình khai thác cũng không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra ông Dương Văn S là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất bị phát phá, cũng là người trồng số cây gỗ xoan bị chặt hạ có ý kiến rằng số đất rừng và tài sản trên phần đất rừng mà ông đã giao cho bị cáo P quản lý, sử dụng thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì. P là người quản lý, sử dụng phần diện tích rừng đã được ông S cho thì P có quyền nêu ý kiến đối với phần đất đai và tài sản trên đất. Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị P nêu ý kiến đối với số gỗ xoan bị chặt hiện đang được để tại hiện trường vụ án, bị cáo không có yêu cầu được nhận lại, vì số cây này bị cáo và những người liên quan chặt hạ trái phép. Đề nghị Tòa án tuyên tịch thu hóa giá số gỗ xoan này để sung quỹ Nhà nước. Do đó, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với 2,350 m³ gỗ xoan.

Giao cho Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 1.162.940,đ (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) mà bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, theo biên lai số 0001502 ngày 08/12/2021 và biên lai số 0001506 ngày 21/02/2022 để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[10]. Các vấn đề khác: Ông Dương Văn S và bà Hầu Thị Gi là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có khu rừng bị phát phá, ông S là người cho Dương Thị P diện tích rừng bị phát phá, tuy nhiên ông S và bà Gi không biết việc Dương Thị P trực tiếp phát phá và cho những người khác phát phá rừng trái phép. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì không xem xét trách nhiệm của ông Dương Văn S và bà Hầu Thị Gi là có căn cứ

Đối với Dương Văn K, Hầu Thị C, Hoàng Văn P, Hầu Thị M, Hoàng Thanh L, Hoàng Văn T, Lý Thị S là những người trực tiếp phát phá rừng, tuy nhiên diện tích phát phá của từng người dưới 5.000m², những người này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi hủy hoại rừng, chưa bị kết án về tội hủy hoại rừng nên hành vi của họ không cấu thành tội phạm. Do vậy, không xem xét về trách nhiệm hình sự, chuyển hồ sơ cho cơ quan Kiểm lâm xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này là phù hợp với quy định pháp luật.

[11]. Về án phí: Bị cáo thuộc đối tượng được miễn án phí và đã có đơn xin miễn án phí. Do đó, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1]. Tuyên bố bị cáo Dương Thị P phạm "Tội huỷ hoại rừng".

Xử phạt: Dương Thị P 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập hàng tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Dương Thị P.

Giao bị cáo Dương Thị P cho UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã L giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thoả thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo Dương Thị P bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 1.162.940,đ (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 1.162.940,đ (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, theo biên lai số 0001502 ngày 08/12/2021 và biên lai số 0001506 ngày 21/02/2022 để đảm bảo cho việc bồi thường.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước: 26,566m³ gỗ tự nhiên, loại thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII; 1.003 cây nứa tép có đường kính trung bình từ 01cm- 03cm và 2,350m³ gỗ xoan. Giao cho Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật (Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 09/3/2021 và biên bản ngày 06/5/2021 Giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Na Rì và UBND xã L, Trạm kiểm lâm L - Hạt Kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K).

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 con dao dạng dao quắm đã cũ, dài 46cm, phần thân dao bằng kim loại dài 36cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 10cm. (Số lượng, hiện trạng vật

chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/12/2021 giữa Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo số tiền 1.162.940,đ (Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) mà bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, theo biên lai số 0001502 ngày 08/12/2021 và biên lai số 0001506 ngày 21/02/2022 để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Dương Thị P được miễn án phí sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- TA tỉnh;
- CA huyện;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- Hồ sơ CA huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thanh Bình